



Đem Ấn ngang trước trán
 Quán kỹ tất cả Phôt
 Mỗi mỗi thấy rõ ràng
 Niệm Chân Ngôn ấy là:
 [ND: **OM_ TATHĀGATA-UDBHAVĀYA SVĀHĀ**]

Phật Bộ Tam Muội da
 Định Tuệ (2 tay) Nội Hợp Quyền
 Điều kèm dựng hai Không (2 ngón cái)



Quán kỹ tất cả Phật
 Giống như đối trước mắt
 Tùy niệm, thỉnh triệu Tôn
 Hai quyền kèm nhau **triệu**
 Chân Ngôn là:
 “**Ấn, nhĩ năng, nặc ca, sa-phộc ha**” (3 biến hoặc 7 biến)
 ॐ ൐ ൑ ൒ ൓ ൔ
 *)OM_ JINA KIK SVĀHĀ

Lại kết Liên Hoa bộ
Bí Mật Tam Muội Da
 Tương Ấn cũng như trước
 Trái (ngón cái trái) vào, Hữu (ngón cái Phải) duỗi ra



Ba tụng, ba Triệu Thỉnh
 An bên phải rời bung
 Niệm Chân Ngôn ấy là:
 “**Ấn, a lô lực ca, sa-phộc hạ**”
 ॐ ൑ ൒ ൓ ൔ
 *)OM_ AROLIK SVĀHĀ

Lại đến, Kim Cương Bộ
Vi Diệu Tam Muội Khế
 Khế trước, sửa Không Luân (ngón cái)
 Hữu (ngón cái phải) vào, Tả (ngón cái trái) dựng vờ



Chuyên Tâm giữ niệm Tôn

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, phộc nhật-la địa-lực ca, sa-phộc hạ**”

ॐ वज्रधृक् सूह

*)OM_ VAJRA-DHRK SVĀHĀ

Phật Bộ Án an trán

Liên Hoa bên tai phải

Kim Cương bên tai trái

Đồng bụng trên đỉnh đầu

Lại đến Bị Giáp Khế

Đàn Tuệ (2 ngón út) với Giới Phương (2 ngón vô danh)

Cài chéo nhau trong Chưởng (lòng bàn tay)

Nhấn Nguyện (2 ngón giữa) cùng hợp đầu

Co Tiên Lực (2 ngón trỏ) như Câu (móc câu)

Phụ ngoài, sau hai Hỏa (2 ngón giữa)

Thiền Trí (2 ngón cái) kèm dựng thẳng

Giống như **Phộc Chiết La** (Vajra: chày Kim Cương)



Niệm gia thân: năm nơi

Trán, vai phải, vai trái

Tim, huyệt bụng trên đỉnh

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, chúc yết-la vạt lật-đề, bát-la xa nhĩ đa, la nại-la, la nại-la, bà sa-ma nại
đỉnh lộ tuệ-nê sa, lộ khát-xoa, lạc khát-sa hàm, hồng, phát tra, sa-phộc hạ**”

ॐ वक्रवर्ज्य वृषभिनः एष एष वक्रवर्ज्य एष एष वृषभिनः एष एष वृषभिनः

*)OM_ CAKRA-VARTTI PRAŚAMITĀ _ RĀDRĀ RĀDRĀ _ BHĀSMA SARA-UṢṆĪṢA _ RAKṢA RAKṢA MAṃ_ HŪM PHAT_ SVĀHĀ

Tiếp theo, nói Kim Cương Địa Giới Quyết Án

Tay Định (tay trái): độ Phương (ngón vô danh), Nguyện (ngón giữa)

Kèm vào cửa Giới (ngón vô danh), Nhấn (ngón giữa)

Phương (ngón vô danh) quấn kín sau Giới (ngón vô danh)

Vào khoảng giữa Đàn (ngón út) Giới (ngón vô danh)

Nguyện (ngón giữa) quấn vào Nhẫn (ngón giữa) Tiến (ngón trỏ)
Đàn Tuệ (2 ngón út) cùng Tiến Lực (2 ngón trỏ)
Thiền Trí (2 ngón cái) đều hợp nhau



Xoay ba lần, đóng xuống
Liên niệm Chân Ngôn là:

“**Án, chỉ lý chỉ lý, phộc nhật-la, phộc nhật-lý bộ hô-mãn đà mãn đà, hồng, phát tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_KILI_KILI_VAJRA_VAJRI_BHŪR_BANDHA_BANDHA_HŪM
PHAT

Lại nói Kim Cương Tường Giới Án

Dựa Địa Giới Án trước

Mở dụng đứng Thiền Trí (2 ngón cái)



Xoay phải (bên phải) như Tường Viên

Tùy tụng mà xoay chuyển

Tâm tường tường (bức tường) kim Cương

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, tát la tát la, phộc nhật-la, bát-la ca la, hồng, phát tra**”

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

*)OM_SARA_SARA_VAJRA_PRAKARA_HŪM PHAT

Tiếp đến Hư Không Tạng

Chéo mười ngón bên ngoài

Tiến Lực (2 ngón trỏ) găng như bấu



Tường thành lâu gác đẹp

Trên có hoa sen lớn

Thành Tâm quán Bản Tôn

Trụ ở trong trướng báu

Phướng, phan, lọng giáp vòng

Biển mây áo Trời, hương

Tràn đầy khắp hư không

Vây quanh trong quyền thuộc

Tụng Chân Ngôn này là:

“**Án, nga nga năng, tam bà phộc, phộc nhật-la, hộc**”

ॐ ढढनं संन व वञ्ज

*)OM _GAGANA SAMBHAVA VAJRA HOH

_Tiếp kết **Xa Lô Án**

Ngửa Định Tuệ (2 tay) chéo nhau

Bên phải đè bên trái)

Thiền Trí (2 ngón cái) vịn Tiên Lực (2 ngón trỏ)

Vạch thứ nhất thấp nhất



Xoay chuyên đưa về trước

Tưởng thành cỗ xe báu

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, quán lỗ, đô lỗ, hồng**”

ॐ वृ वृ वृ वृ

*)OM _TURU TURU HŪM

Ba biến, hoặc bảy biến

_Tưởng Tôn ngồi trên xe

Dàn giáng đến Đạo Trường

Trụ ở trong hư không

Đợi Tỉnh mới đi vào

Chẳng trái **Bản Thệ** Nguyệt

Niệm Chân Ngôn ấy là

“**Năng mạc tất-đề-lý-dã địa-vĩ ca nam, dát đà nghiệt đá nam (1) Án, phộc nhật-lãng kỳ nễ-dã, a yết la-sái dạ, sa-phộc hạ**”

ॐ ऋयुहिनं सं व नयननं ॐ वृयुय ऋयुय वृयु

*)NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀM TATHĀGATĀNĀM_ OM_

VAJRAMḠNIYA ĀKARṢĀYA _SVĀHĀ

Do sức Chân Ngôn này

Với kết **Khé** tương ứng

Hay thỉnh triệu Bản Tôn

Kèm với quyền thuộc khác

Giáng lâm chốn Đạo Trường

Ban **nguyện** cho Hành Nhân

_Khi muốn kết **Xa Lô**

Trước làm sạch đường đi

Hai tay bung lò hương

Niệm tu câu bí mật

Tĩnh Trì đường **không trung**

Sau mới thỉnh Bản Tôn

Tưởng **hương** đến cung kia

Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, tố tất địa yết lý, nhập-phộc lý đa, nan đa mộ la đa duệ, nhập-phộc la, mãn tha mãn tha, hạ nam hồng, phẩn tra**”

ॐ सुसिद्धि करि ज्वालितानन्ता मूर्तये ज्वाला
बन्धा बन्धा हाना हुम फट्

*)OM_ SUSIDDHI-KARI _ JVALITA ANANTA MURTTĀYE JVALA
BANDHA BANDHA HANA HŪM PHAT

_ Nếu làm Diệu Pháp này
Then cửa trong không ấy
Thảy đều tự khai mở
Cũng thành **Tịch Trừ Chướng**
Cho đến nhóm thanh tịnh
Mới thành **cảnh giác Tôn**
Quyến thuộc kèm thân cận

_ Trước nên làm **Phụng Thỉnh**
Ấn Khế, tụng **Minh** (Vidya) sau
Triệu tập các Thánh Hiền
Vào trong Mạn Trà La (Maṇḍala)

Thỉnh Triệu Chân Ngôn là:
[ND: *EHYEHI BHAGAVAM NIHA BHAKTYĀNA SAMAYE NACA
ARGHA CA SAMPRATISEDAM PŪJA CADADYA PRAHĪDAME*]

Hoặc ba biến, bảy biến
Thỉnh Triệu vào Đạo Trường
Ấn cần bày chỗ thỉnh

_ Lại thỉnh **Diệu Cát Tường** (Maṃjuśrī)
Mật Tích Kim Cương Chủ (Vajra-guhyakādhipati)
Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chưởng (Liên Hoa Hợp Chưởng)
Hai Hòa (2 ngón giữa) quán Thủy Luân (ngón vô danh)
Đầu Phong (ngón trỏ) vịn lưng móng
Co hai Phong (2 ngón trỏ) trụ nhau
Hai Không (2 ngón cái) kèm dựng thẳng
Phong (ngón trỏ) đè lên ngón Không (ngón cái)



Tụng Mật Ngôn, **tam triệu** (triệu 3 lần)
“**Năng mạc tam mãn đa một đà nam, hệ hệ, câu ma la ca, vĩ mục cật đễ, bát
đà tất-thể địa đa, sa-ma la, sa-ma la, bát-la đễ chỉ-nhiên, sa-phộc hạ**”

ॐ मः समं वृक्षं नृक कुम्भिकं वसुक्ति पत्तं क्षिप्रं क्षिप्रं
पुष्पं नृकं

*)NAMAḤ SAMANTA BUDDHĀNĀM HE HE KUMĀRAKA VIMUKTI
PATHĀ-STHITA SMARA SMARA PRATIÑĀM SVĀHĀ

Lại đến **Minh Vương Bộ**

Tịch trừ loài gây chướng

Định Tuệ (2 tay) hợp Liên Chương

Thủy (ngón vô danh) Phong (ngón trỏ) kèm hạ xuống

Đều vào khoảng Mãn Nguyệt (lòng bàn tay)

Kèm Không (ngón cái) lia lỏng Phong (ngón trỏ)



Ngang tim, tụng **Minh Cú**

Bảy biến nâng ngang trán

Chuyển trái, làm **Tịch Trừ**

Xoay phải thành **Kết Giới**

Tất cả loài gây chướng

Chạy tan không có ngại

Uy quang như **kiếp Hỏa** (Kalpāgni)

Phần nộ rất đáng sợ

Ba mặt hiện sáu tay

Cầm nắm: búa, gậy, binh

Hoa sen với tràng hạt

“**Án (1) độ năng độ năng (2) ma đà ma đà (3) ha năng ha năng (4) hạ dã nghi-**
lý phộc, hồng phát tra”

ॐ सुम सुम मधुमधु ऋदृदृ नृनृ नृनृ नृनृ ॐ नृदृ

*)OM- DHUNA DHUNA, MATHA MATHA, KHĀDA KHĀDA, HANA
HANA – HAYAGRĪVA HŪM PHAT

Lại **Tâm Minh** là:

“**Án, a mật-lật đồ nạp-bà phộc, hồng, phát tra**”

ॐ अ?मृनृदृ व ॐ नृदृ

*)OM_ AMṚTODBHAVA HŪM PHAT

Do Chân Ngôn này nên

Cùng với **Án** gia trì

Hay khiến trừ các **chướng**

Hành Nhân bỏ chút công

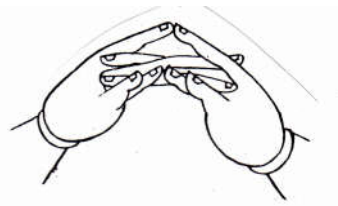
Mau đắc được thành tựu

Tiếp lại kết **Thượng Giới**

Kim Cương Vọng La Khê

Như tướng **Tường Án** trước

Mở Không (ngón cái) vịn gốc Phong (ngón trỏ)



Che ngang trên đỉnh đầu
 Khiến ngâm gia bảy biến
 Tùy tụng, xoay bên phải
 Ba vòng như nghi **múa**
 Bung chia rũ xuống dưới
 Tường vào khắp che **Giới**
 Ngoài tường (bức tường) cho đến đất
 Tất cả chẳng thể xuyên
 Quán thành như Kim Cương
 Niệm Chân Ngôn ấy là:
 “**Án, vĩ sa-phô la nại-la khát xoa, phộc chiết-la bán nhạ la, hồng phát tra**”
 ॐ (ॐ) [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ]
 *)OM_ VISPHURAD RAKṢA VAJRA PAṂJALA HŪM PHAṬ

_Tiếp đến **Hỏa Viện Ấn**



Đan kín lửa phát sáng
 Lưới vây vòng bên ngoài
 Hách dịch, rục Kiếp Hỏa
 Như gió chuyển phải đến
 Các Ma ác sợ hãi
 Tất cả **thiết Đô Lô** (Śatrū: Oan gia)
 Không thể gây nã hại
 Hành Nhân bền trụ quán
 Niệm Chân Ngôn ấy là:
 “**Án, a tam mãng nghĩ-nễ, ha la, hồng phát tra**”
 ॐ [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ] [ॐ]
 *)OM_ ASAMĀMGNI HĀRA HŪM PHAṬ
 Ba biến hoặc bảy biến
 Tường kỹ, làm gia trì
 Trong Quán, ánh lửa sáng
 Lửa lay động đỏ bùng
 Khiến Pháp luôn thành tựu

_Lại nói hiện **Át Già** (Argha)
 Định Tuệ (2 tay) kèm ngừa mở
 Địa (ngón út),Thùy (ngón vô danh) hòa hợp Phong (ngón trỏ)

Co Phong b(ngón trở) như **Thương Khư** (Śaṅkha: vỏ ốc)
Hai Không (2 ngón cái) vịn dưới Phong (ngón trở)



Tưởng thành mọi ao báu
Trong suốt, đáy cát vàng
Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Năng mạc tam mạn đa bột đà nam. Nga nga năng, tam ma tam ma, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धानाम गगना समा असमा

NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM _ GAGANA SAMA ASAMA _
SVĀHĀ

Ba biển hoặc bảy biển
Tâm tưởng trong ao báu
Hoa sen, hoa súng nở
Tắm khắp cá Thánh Chúng
Trước rửa chân Bản Tôn
Tiếp, tắm các Hiền Thánh
Lại muốn tắm Thánh Thiên
Khiến **Căn** ta sạch bụi

_ Tiếp đến **tòa Sư Tử** (Siṃhāsāna)

Định Tuệ (2 tay) Địa (ngón út) Thủy (ngón vô danh) giao
Chéo nhau vào lòng tay
Hai Hỏa (2 ngón giữa) hợp Phong (ngón trở) dựng
Co Phong (ngón trở) vịn hai Không (2 ngón cái)
Kèm Không (ngón cái) ngửa ra trước
Giống như thể Sư Tử



Tưởng trên có hoa sen
Niệm Chân Ngôn ấy là:

“**Án, a tá la, ví la dā, hồng**”

ॐ जम अला वीराय हुं

*)JOM_ ACALA VĪRAYA HŪM

_ Tiếp bày **Phổ Cúng Đường**

Mười ngón **Kim Cương Hợp** (Kim Cương Hợp Chương)
Hai Phong (2 ngón trở) như hình báu



Hương xoa, hoa, **thực** (thức ăn), đèn
 Vận tưởng như mây biển
 Phướng, phan, mọi kỹ nhạc
 Lọng hoa, diệu thiên y
 Lưu tán đây hư không
 Cúng dường tăng nhóm Phước
 Ăn là câu Chân Ngôn
 Dùng đem hiến các Tôn
Cúng Dường Chân Ngôn là:

“**Năng mạc tam mạn đa bột đà nam. Án, tát la-phộc đà khiêm, ôn na nghiệ-
 đế, sa-phả la, mãnh hàm, nga nga năng kiêm, sa-phộc hạ**”

ॐ नमः समन्त बुद्धैस्तु ॐ सर्वथा खम
 उदगते स्फारा हिमाम गगनाकाम स्वहा

*)NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM OM SARVATHĀ KHAM
 UDGATE SPHARA HĪMAM GAGANAKAM SVĀHĀ

Do cúng dường này nên
 Sẽ được lợi **vô đẳng** (không có gì ngang bằng được)
 Hay thành mọi sự nghiệp
Tư Lương (Sambhāra) từ đây sinh

Tiếp lại nói **tán thán**
 Chẳng bỏ Ấn Khế trước
 Sửa bấu rồi hợp chéo



Phạm Âm (Brahma-ghoṣa) tụng lời khen
 Khiến chúng Thánh vui vẻ

“**Án, phộc nhật-la, để khắt sán-noa, ma ha dạ năng (1) phộc nhật-la câu xá,
 ma hạ dữu đà (2) mạn tổ lợi-dã (3) thát-lợi phộc nhật-la, nghiêm tỳ lợi-dã (4) phộc
 nhật-la một đệ, năng mô suất-đô đế (5)**”

ॐ वज्रगण्ड मन्त्रेण वज्रकर मन्त्रेण मन्त्रश्रीश्रीवज्र वृक्ष नमस्तुते

*)OM VAJRA-TĪKṢṆA MAHĀ-YĀNA, VAJRA-KOŚA MAHĀ-YUDHA
 MAMJUŚRĪ, ŚRĪ-VAJRA BUDDHE NAMOSTUTE

Lại nữa, có bài **Đại Tán** bằng tiếng Hán là:
 “Quy mệnh **Mật Tích Chủ** (Guhyakādhipati)
 Đấng tồ phục các **Ma** (Māra)

Đài hoa dựng chày Trí
Thủ Kế Bát Trí Tôn
Chiếu sáng khắp mười phương
Nhu trước mắt Hành Nhân
Văn Thù Căn Bản Khế
Theo Thầy bí mật truyền
_Tiếp nên lấy tràng hạt
Cuộn trong trong lòng tay
Định Tuệ (2 tay) hợp tướng sen
Nên dùng miệng gia trì
Bí Mật Châu Minh là:
“**Án, phệ lô tả năng, ma la, sa-phộc hạ**”
ॐ ह्रीं वज्र मंत्रं ह्रूं
*)OM_ VAIROCANA-MĀLA SVĀHĀ

Gia trì bày biến xong
Ngàn chuyển, **ba** (3 lần) dời châu (tràng hạt)
Không (ngón cái) Địa (ngón út) đối vịn châu
Tùy tụng, dời ba vòng
_Tụng **Bát Tự Minh Cú**
[ND: *AḤ VĪRA HŪM KHACARAH*]
Một ngàn hoặc một vạn
Chữ chữ hô rõ ràng
Ngồi thẳng quán sát kỹ
Niệm niệm đừng gián đoạn
Hết số, trụ **Quán Trí**
Kèm **Tam Ma Địa Môn**
Ở ngay trong trắng đầy
Bày chữ làm **Chủng Trí**
Hoặc làm **Đại Nhật Quán**
Tròn sáng cũng như thể
Hết thấy các Công Đức
Cho tất cả chúng sinh
Đều được thành Phật Đạo

_Lại nói việc sai biệt
Ba thời hoặc bốn thời
Không khiến có chuyển lùì
Nếu vì làm **Tức Tai** (Śāntika)
Quyết định dùng đầu đêm
Nếu cầu Môn **Phước Trí**
Sau đêm thì bắt đầu
Giáng Phục (Abhicāruka) ngay chính Ngọ
Ái Kính (Vaśikaraṇa) lúc muồn ngủ
Câu Triệu (Ākarṣaṇa) cũng đồng trước
Niệm xong, **Hoàn Châu Khế**
Cũng đồng Pháp Tất Địa

Bản Tôn, đủ số xong
Y trước niệm **Nội quyển** (nội quyển thuộc)
Tám Tôn như thứ tự
Tán thán, dâng hương hoa
Át Già lại [hụng hiến
Phát Nguyên kèm Khuyến Thỉnh
Giữ Giới dùng **hỏa Viện**
Phát khiển phụng tống tiễn
Ba Bộ lại **Hộ Thân**
Bị Giáp (mặc áo giáp) làm như trước
Diêm Mạn Đức (Yamāntaka) làm **vệ** (phòng giữ)
Đại Dao chạm gia trì
Lễ bái chúng Thánh Hiền
Tùy ý **Kinh Hành** (Caṅkramana) ra

Nếu trụ trong rừng núi
Nạn vua, ngục gông cùm
Khi gặp việc đáng sợ
Bệnh tật, họa Quỷ Thần
Đi đêm tối, sợ hãi
Đi đường bị Ma quấy
Nhà đầu thanh chướng hòa
Các độc muốn đến hại
Như trước, nhiều loại nạn
Thường trì **Bát Bí Minh**
Trừ hết tất cả ác

Ấn Khế, Môn sai biệt
Cần có Thầy ngẫm dạy
Nếu tại Mạn Trà La
Đối trước Tôn, tùy tiện
Chuyển thân, động chi tiết
Than thở, với đấm đầu
Họng dơ xì tiếng kêu
Chảy mũi rãi, ho hắng
Các nhóm việc như vậy
Ngăn cấm, đừng kiêu mạn

Đại Giáo a xà Lê
Bậc hành sâu Tuệ khéo
Muốn cầu Đại Tất Địa
Cần phải luôn Hộ Ma (Homa)
Mỗi đủ ba lạc xoa (30 vạn biến)
Một lần cúng dường lửa
Nếu được ba tướng hiện
Ám, khói với **ánh sáng**
Trong **kiếm** (cây kiếm) phát tiếng lớn
Âm Phạn, Sư Tử rống

Sấm nỏ, vang vi diệu
Chuông, trống, tiếng ca hay
Mọi loại âm nói Pháp
Hành Nhân được **Tất Địa** (Siddhi)

_ Hộ Ma như Giáo Pháp
Hiểu nhỏ nhiệm rõ ràng
Chút phần chẳng tương ứng
Mọi ác đều tụ đến
Đủ số **ba câu chi** (ba trăm triệu)
Thường được thấy **Văn Thù**
Tâm thông **Môn giả thoát**
Nguyện **Thế** (Loka), **Xuất Thế Gian** (Lokottara)
Mong cầu đều mãn túc

VĂN THÙ BÁT TỰ NGHI QUỸ
Hết

Trường Khánh năm thứ tư, tháng 8, ngày 30_ Viện **Đông Tháp**, chùa **Thanh Long**_ Sa môn **Nghĩa Vân Pháp Kim Cương** cùng với Trung Thiên Tam Tạng **Bồ Đề Tiên** (Bodhi-sena: Giác Quân, người nước Ca Tỳ La Vệ ở trung Thiên Trúc) đồng dịch, vị tăng dùng bút kết **Kệ** nhuận **Văn** là **Nghĩa Vân** (vị tăng đời nhà Tống) ghi chép, xem xét hết rồi ghi lại như vậy.

08/04/2015